TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày: 20-8-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Tân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Lâm;
Ông Bùi Đức Thuận.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Nhữ Thật - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2014/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2014 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T;
Địa chỉ: Quốc lộ M, thị tứ Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định;
Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Phan Văn M – Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân T (Văn bản ủy quyền số 02/QĐ-HĐQT ngày 30/6/2017).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thiên K, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Văn Hùng T, sinh năm 1975 (vắng mặt - có yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.
- Ông Phan Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt - có yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.
- Ông Trần Hữu T, sinh năm 1953 (vắng mặt - có yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn M trình bày:**

Ngày 29/11/2012, Quỹ tín dụng nhân dân T và bà Nguyễn Thị Thiên K ký kết hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD với nội dung: Bà Nguyễn Thị Thiên K vay của Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với mục đích là sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn 2,25%/tháng. Bà K đã nhận đủ số tiền vay này vào ngày 30/11/2012.

Từ khi vay đến nay bà Nguyễn Thị Thiên K chưa trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T được khoản tiền nào và cũng không phối hợp để giải quyết tiền vay. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thiên K trả cho Quỹ tín dụng số tiền gốc đã vay là 50.000.000đ, tiền lãi trong hạn 12 tháng 10 ngày, tính từ ngày 30/11/2012 đến ngày 10/12/2013 (10 ngày này là gia hạn để bà K trả nợ gốc và lãi suất trong hạn), tiền lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày 11/12/2013 đến nay.

Quỹ tín dụng nhân dân T không khởi kiện yêu cầu ông Văn Hùng T (chồng bà Nguyễn Thị Thiên K) có trách nhiệm trả khoản nợ vay nói trên vì ông T chỉ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà K trong hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thiên K:**

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2014 và tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2014, bà K trình bày: Chồng của bà tên Văn Hùng T. Vợ chồng bà có vay của Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012; lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn 2,25%/tháng; thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 29/11/2012 đến ngày 29/11/2013. Hiện số tiền nợ gốc và lãi bà vẫn chưa trả được cho Quỹ tín dụng nhân dân T. Bà đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và tiền lãi theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012. Vì điều kiện khó khăn nên bà xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 3 năm 2020, biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 6 năm 2020, biên bản hòa giải ngày 08/6/2020 và biên bản hòa giải ngày 22/9/2020, bà K đều trình bày: Bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 vay 50.000.000đ của Quỹ tín dụng nhân dân T nhưng bà không có nhận tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân T. Chữ ký trong giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/11/2012 và giấy nhận nợ ngày 30/11/2012 mà Quỹ tín dụng nhân dân T cung cấp thì không phải chữ ký, chữ viết của bà. Còn chồng của bà tên Văn Hùng T thì không có ký bất kỳ tờ giấy nào trong hợp đồng vay tiền của Quỹ

tín dụng nhân dân T. Bà không có ký vào giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/11/2012 và giấy nhận nợ ngày 30/11/2012 của Quỹ tín dụng nhân dân T và thực tế thì bà không có nhận tiền vay, do đó bà không có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Văn Hùng T trình bày:**

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thiên K. Vợ chồng ông không có vay Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 50.000.000đ như Quỹ tín dụng nhân dân T đã trình bày. Vợ chồng ông có cho ông Nguyễn Quốc T (nguyên là giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân T – đã chết) mượn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã tự ý dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp như tài sản thế chấp Quỹ tín dụng nhân dân T đã trình bày. Ông không có ký tên trong hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 và giấy đề nghị vay vốn ngày 29/11/2012. Ông không đồng ý việc Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu vợ ông trả khoản tiền 50.000.000đ nói trên, vì lý do vợ chồng ông không có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân T.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T trình bày:**

Ông làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân T từ năm 2008 đến nay và làm công việc thẩm định cho vay. Bà Nguyễn Thị Thiên K với Quỹ tín dụng nhân dân T ký hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012, tại thời điểm này ông Nguyễn Quốc T là Giám đốc (Ông T đã chết). Căn cứ giấy đề nghị vay vốn ngày 29/11/2012 và hồ sơ vay vốn của bà Nguyễn Thị Thiên K, cùng ngày 29/11/2012 ông và ông Trần Hữu T (cán bộ tín dụng) làm "Báo cáo thẩm định" và cùng ký tên. Đối với "Biên bản kiểm tra sử dụng vốn" ngày 10/12/2012 thì ông lập biên bản và ký tên, người vay vốn là chị Nguyễn Thị Thiên K cũng ký tên vào biên bản này. Ông xác nhận chị K có làm lại bếp nấu ăn. Ngôi nhà mà chị K sửa chữa nêu trên, sau đó nghe là chị K đã bán ngôi nhà nói trên cho người khác nhưng bán cho ai thì ông không biết.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu T trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thiên K với Quỹ tín dụng nhân dân T ký hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 thì ông Nguyễn Quốc T Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân T, còn ông làm công việc bộ phận tín dụng Quỹ tín dụng nhân dân T. Trong hồ sơ bà K vay số tiền 50.000.000đ này thì ông có ký vào "Báo cáo thẩm định" này với tư cách là "Cán bộ tín dụng", còn ông Phan Văn T ký với tư cách "Người thẩm định".

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T. Buộc bà Nguyễn Thị Thiên K phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 163.087.500đồng về khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 (Trong đó: Tiền gốc 50.000.000đồng, tiền lãi 113.087.500đ) .

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Thiên K phải chịu 5% trong số tiền phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

+ Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 1.582.400đ tạm ứng án phí.

+ Bà Nguyễn Thị Thiên K có nghĩa vụ trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 3.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn Thượng Giang 1, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2014 và biên bản hòa giải ngày 22/10/2014, bà Nguyễn Thị Thiên K thừa nhận có vay của Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012; lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn 2,25%/tháng; thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 29/11/2012 đến ngày 29/11/2013. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị Thiên K chỉ thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 vay 50.000.000đ của Quỹ tín dụng nhân dân T nhưng bà không có nhận tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân T. Chữ ký trong giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/11/2012 và giấy nhận nợ ngày 30/11/2012 mà Quỹ tín dụng nhân dân T cung cấp thì không phải chữ ký, chữ viết là không phải chữ của bà. Bà không có ký vào giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/11/2012 và giấy nhận nợ ngày 30/11/2012 của Quỹ tín dụng nhân dân T và thực tế thì bà không có nhận tiền vay, do đó bà không có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T. Ngày 09/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn có Quyết định số 01/2020QĐ-TCGĐ về việc trưng cầu giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị Thiên K trong giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/11/2012 và giấy nhận nợ ngày 30/11/2012 do Quỹ tín dụng nhân dân T cung cấp. Ngày 15/7/2020, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đ kết luận giám định số 680/C09C(Đ2): "*Chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Thiên K dưới mục "Người lĩnh tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Thiên K dưới mục "Người nhận nợ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thiên K trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) là do cũng một người viết ra"*. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị Thiên K có nhận tiền vay 50.000.000đồng của Quỹ tín dụng nhân dân T vào ngày 30/11/2012. Sau khi vay, bà K chưa trả một khoản nào về tiền gốc và tiền lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân T. Do đó việc Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu bà K trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 các bên đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị Thiên K phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T:

[2.1] Tiền gốc: 50.000.000đồng.

[2.2] Tiền lãi trong hạn: 12 tháng 10 ngày (tính từ ngày 30/11/2012 đến ngày 10/12/2013): 50.000.000đồng x 1,5%/tháng x 12 tháng + 50.000.000đồng x 0,05%/ngày x 10 ngày = 9.250.000đồng.

[2.3] Tiền lãi suất quá hạn: 92 tháng 09 ngày (tính từ ngày 11/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2021): 50.000.000đồng x 2,25%tháng x 92 tháng + 50.000.000đồng x 0,075%/ngày x 09 ngày = 103.837.500đồng.

[2.4] Tổng cộng tiền gốc và lãi : 163.087.500đồng.

[2.5] Việc bà Nguyễn Thị Thiên K không thừa nhận có vay số tiền 50.000.000đồng của Quỹ tín dụng nhân dân T theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 nên không chấp nhận trả nợ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Xét về khoản chi phí giám định: Điều 161 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định: *"Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí giám định được xác định như sau: 1. Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ chỉ có căn cứ một phần thì họ phải nộp chi phí giám định đối với phần yêu cầu của họ đã được chứng minh là không có căn cứ. 2. Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định chỉ có căn cứ một phần thì người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ".* Quỹ tín dụng nhân dân T đã tạm ứng chi số tiền là 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) trong việc giám định bút tích của bà Nguyễn Thị Thiên K trong hợp đồng vay tài sản mà bà K không thừa nhận. Với kết luận giám định số 680/C09C(Đ2) ngày 15/7/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Đ nêu trên, căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì cần buộc bà Nguyễn Thị Thiên K phải chịu chi phí giám định, có nghĩa vụ trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền chi phí giám định là 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Thiên K có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T nên cần buộc bà Kim phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trong số tiền trả nợ (163.087.500đồng x5% = 8.154.375đồng).

[3.2] Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 1.582.400đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007619 ngày 09/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thiên K phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 163.087.500đồng *(Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng)* theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012, trong đó:

+ Nợ tiền gốc: 50.000.000đồng.

+ Nợ tiền lãi trong hạn: 12 tháng 10 ngày (tính từ ngày 30/11/2012 đến ngày 10/12/2013): 50.000.000đồng x 1,5%/tháng x 12 tháng + 50.000.000đồng x 0,05%/ngày x 10 ngày = 9.250.000đồng.

+Nợ tiền lãi suất quá hạn: 92 tháng 09 ngày (tính từ ngày 11/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2021): 50.000.000đồng x 2,25%tháng x 92 tháng + 50.000.000đồng x 0,075%/ngày x 09 ngày = 103.837.500đồng.

Không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Thiên K không thừa nhận có vay số tiền 50.000.000đồng của Quỹ tín dụng nhân dân T theo hợp đồng tín dụng số 120.674/HĐTD ngày 29/11/2012 nên không chấp nhận trả nợ, vì không có căn cứ pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét sử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoảng tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thiên K phải chịu 8.154.375đồng *(Tám triệu một trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng)*.

- Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 1.582.400đ *(Một triệu năm trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007619 ngày 09/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

3. Chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Thiên K có nghĩa vụ trả lại số tiền 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)* cho Quỹ tín dụng nhân dân T đã tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký của bà Kim

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN